

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂY SƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47 /2022/DS-ST

Ngày: 27-10-2022

V/v tranh chấp chia tài sản chung của  
vợ chồng và chia di sản thừa kế.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thành.
2. Ông Phạm Quốc Việt

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:***  
Ông Trần Bình Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng và chia di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐST-DS ngày 20/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 15/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 05/8/2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Trần T, sinh năm 1932;

Địa chỉ: Xóm T, thôn A, xã B, huyện S, tỉnh Bình Định.

Có mặt.

***2. Bị đơn:*** Bà Văn Thị C, sinh năm 1957 (vợ ông Trần Văn Tr).

Địa chỉ: Xóm T, thôn A, xã B, huyện S, tỉnh Bình Định.

Vắng mặt.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Trần Văn S, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: 34 Nguyễn H, thị trấn P, huyện S, tỉnh Bình Định.

+ Trần Thị T1, sinh năm 1972 (có mặt);  
+ Trần Thị H, sinh năm 1970 (có mặt);  
+ Trần Văn V, sinh năm 1974 (có mặt);  
+ Trần Thị P, sinh năm 1962 (có mặt);  
+ Trần Thị Đ, sinh năm 1968 (có mặt);  
Đồng trú tại: Xóm Đ, thôn A, xã B, huyện S, tỉnh Bình Định.  
+ Trần Văn B, sinh năm 1966 (có mặt);  
+ Trần Duy T2, sinh năm 1977 (có mặt);  
+ Trần Thị N, sinh năm 1980 (vắng mặt);  
+ Trần Văn D, sinh năm 1984 (vắng mặt);  
+ Trần Văn T3, sinh năm 1986 (vắng mặt);  
+ Trần Văn D, sinh năm 1989 (vắng mặt);  
Đồng trú tại: Xóm T, thôn A, xã B, huyện S, tỉnh Bình Định.  
+ Trần Thị Thúy Hằng, sinh năm 1991 (vắng mặt);  
Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện S, tỉnh Bình Định.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, đơn bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần T trình bày:

Vợ chồng ông (Trần T và Trần Thị Th) có 09 người con chung gồm: Trần Văn Tr (chết năm 2006); Trần Văn S; Trần Thị T1; Trần Thị H; Trần Văn V; Trần Thị P; Trần Thị Đ; Trần Văn B Trần Duy T2. Tài sản của vợ chồng ông có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 143m<sup>2</sup>, tọa lạc trên diện tích đất mua của ông Văn Đình M và Văn Thị C vào năm 1960. Ngày 01/7/1998 UBND huyện Tây Sơn đã cấp giấy chứng nhận phát hành L 244022 cho hộ ông Trần Văn Tr toàn bộ thửa đất số 119 (cũ 290), tờ bản đồ số 21 (cũ 8), diện tích 1.064 m<sup>2</sup> (cũ 1.170 m<sup>2</sup>); trong đó có 200 m<sup>2</sup> đất ở, 864 m<sup>2</sup> đất vườn. Năm 2008, vợ ông là Trần Thị Th chết, trước khi chết bà Th có ký vào di chúc chung của hai vợ chồng với nội dung: để lại toàn bộ tài sản nêu trên cho con út là Trần Duy T2, có các con ông làm chứng và cùng ký nhưng di chúc chung chưa có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản án số: 08/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn đã quyết định: Công nhận đất ở diện tích 200 m<sup>2</sup>, đất vườn diện tích 864 m<sup>2</sup> và tài sản trên đất là nhà ở diện tích 143 m<sup>2</sup> là của vợ chồng ông Trần T và bà Trần Thị Th (đã chết). Nhà và đất có giới cận: Đông giáp đất bà Trương Thị N, Tây giáp đất ông Văn T Thuộc, Nam giáp đất ông Nguyễn H, Bắc giáp đất vợ chồng ông Trần Đ- bà Nguyễn Thị C; tọa lạc tại: xóm T, thôn A, xã B, huyện S, tỉnh Bình Định.

Sau khi bản án của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn có hiệu lực pháp luật, ông đã làm thủ tục để yêu cầu các cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất cho ông. Nhưng không được vì lý do: phải có văn bản thỏa thuận phân chia di sản, phần tài sản của bà Trần Thị Th, song vì mâu thuẫn với bà Văn Thị C cùng các con là những người thừa kế thế vị phần của ông Trần Văn Trung nên không thể lập được văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế này.

Con chung của Trần Văn Tr và bà Văn Thị C gồm có 05 người con: Trần Thị N, Trần Văn D, Trần Văn T3, Trần Văn D1 và Trần Thị Thúy H.

Ông có làm đơn yêu cầu UBND xã Bình Nghi giải quyết tranh chấp chia di sản thừa kế phần của bà Trần Thị Th. UBND xã Bình Nghi đã mời các bên đến hòa giải. Tại buổi hòa giải này các con trai và con gái của ông đều thống nhất giao lại phần tài sản của bà Trần Thị Th cho ông hưởng. Riêng bà Văn Thị C (vợ Trần Văn Tr), đại diện cho các con của bà không đồng ý.

Nay ông yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và chia di sản thừa kế phần của bà Trần Thị Th giữa ông và những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Với những người thừa kế thế vị là các con của bà Văn Thị C và ông Trần Văn Tr gồm: Trần Thị N, Trần Văn D, Trần Văn T, Trần Văn D1g và Trần Thị Thúy H1. Di sản chia là: Công nhận diện tích đất ở 200 m<sup>2</sup>, đất vườn diện tích 864 m<sup>2</sup> và tài sản trên đất là nhà ở diện tích 143 m<sup>2</sup> là của vợ chồng ông Trần T và bà Trần Thị Th (đã chết); tọa lạc tại: xóm T, thôn A, xã B, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa hôm nay ông vẫn giữ nguyên quan điểm: Mặc dù ông là người cao tuổi (sinh năm 1932) nhưng ông không có làm đơn đề nghị được miễn, giảm tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, án phí, lệ phí Tòa án. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bị đơn bà Văn Thị C: Mặc dù Tòa đã triệu tập, niêm yết, tổng đạt theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn S, bà Trần Thị T1, bà Trần Thị H, ông Trần Văn V, bà Trần Thị P, bà Trần Thị Đ, ông Trần Văn B và ông Trần Văn T2 trình bày:

Đều thống nhất về hàng thừa kế cũng như di sản của mẹ (Trần Thị Th) chết để lại và yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật như cha (ông Trần T) trình bày. Các ông, bà là con đẻ của ông Trần T, sinh năm 1932 và mẹ là bà Trần

Thị Th, sinh năm 1936 ( mẹ các ông, bà đã chết vào tháng 12/2008); địa chỉ: xóm T, thôn A, xã B, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Cha mẹ các ông, bà có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 143m<sup>2</sup> tọa lạc trên diện tích đất của ông Văn Đình M và bà Trần Thị Ch vào năm 1960. Ngày 01/7/1998 Ủy ban ND huyện Tây Sơn đã cấp giấy chứng nhận số phát hành L 244022 cho hộ ông Trần Văn Trung toàn bộ thửa đất số 119(cũ 290), tờ bản đồ số 21(cũ 08), diện tích 1.064m<sup>2</sup>(cũ 1.170m<sup>2</sup>). Trong đó đất ở diện tích 200m<sup>2</sup>, đất vườn diện tích 864m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích 143m<sup>2</sup> là của cha mẹ các ông bà là ông Trần T và bà Trần Thị Th.

Tại bản án sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn đã quyết định: Công nhận đất ở diện tích 200m<sup>2</sup>, đất vườn diện tích 864m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích 143 m<sup>2</sup> là của cha mẹ các ông bà là ông Trần T và bà Trần Thị Th (đã chết). Nhà và đất có giới cận: Đông giáp đất bà Trương Thị Nh, Tây giáp đất ông Văn Trọng Th, Nam giáp đất ông Nguyễn Hưởng, Bắc giáp đất vợ chồng ông Trần Đ, bà Nguyễn Thị Ch tọa lạc tại: xóm T, thôn A, xã Bi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Các ông, bà là con đẻ của ông Trần Trọng và bà Trần Thị Th nên được hưởng phần di sản từ mẹ chết để lại theo quy định pháp luật. Nay các ông, bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn khi phân chia phần di sản cho các ông, bà được thừa hưởng từ mẹ (bà Th) thì sẽ tự nguyện giao toàn bộ phần thừa kế của mình cho cha (ông Trần T) được sở hữu, sử dụng và không yêu cầu thanh toán lại giá trị tài sản. Ngoài ra các ông, bà không còn yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con chung của ông Trần Văn Tr (đã chết), bà Văn Thị C là bà Trần Thị N, ông Trần Văn D, ông Trần Văn T1, ông Trần Văn D1 và bà Trần Thị Thúy H1: Mặc dù Tòa đã triệu tập, niêm yết, tổng đạt theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trình bày.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến:***

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định. Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử theo quy định.

*-Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:*

Căn cứ các tài liệu thu thập, diễn biến công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 147, 165, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng các Điều 623, 630, 631, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và chia di sản thừa kế của ông Trần Trọng.

-Xác định tài sản chung của vợ chồng ông Trần Trọng, bà Văn Thị Th gồm có: Thửa đất số 119 (cũ 290), tờ bản đồ số 21 (cũ 8), diện tích 1064 m<sup>2</sup> (cũ 1170 m<sup>2</sup>) (200 m<sup>2</sup> đất ở, 864 m<sup>2</sup> đất vườn và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích 143 m<sup>2</sup> là của vợ chồng ông Trần Tg, bà Trần Thị Th ( đã chết); tọa lạc tại: xóm T, thôn A, xã B, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định hiện nay do ông Trần T quản lý (được công nhận theo Bản án số 08/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định).

Bà Trần Thị Th chết năm 2008. Căn cứ quy định tại Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình thì sản chung của vợ chồng được chia đôi. Như vậy ông T được chia (sở hữu) ½ tài sản trên, bà Th được chia ½ tài sản trên.

- Xét di chúc của bà Thuận: Tờ di chúc được lập vào năm 2001 nhưng không ghi ngày, tháng và nơi cư trú của người để lại di sản (bà Th); mỗi trang của tờ di chúc không có ghi số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc; UBND xã Bình Nghi cũng đã xác nhận từ trước đến nay bà Trần Thị Th chưa từng tới UBND xã B làm thủ tục lập di chúc, công chứng di chúc để định đoạt tài sản của bà. Vì vậy di chúc trên không phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 630 và 631 Bộ luật dân sự nên không có hiệu lực pháp luật.

- Xác định di sản của bà Trần Thị Th chết để lại gồm : 100m<sup>2</sup> đất ở và 432 m<sup>2</sup> đất vườn và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích 71,50 m<sup>2</sup> (143 m<sup>2</sup>/2), thửa đất số 119 (cũ 290), tờ bản đồ số 21 (cũ 8); tọa lạc tại: xóm T, thôn A, xã B, huyện Tây Sơn.

- Xác định hàng thừa kế: Căn cứ theo quy định tại Điều 613, khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự có cơ sở để xác định người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị Th gồm có 10 (mười người): ông Trần T, ông Trần Văn Tr (chết năm 2006), ông Trần Văn S, bà Trần Thị T1, bà Trần Thị H, ông Trần Văn V, bà Trần Thị P, bà Trần Thị Đ, ông Trần Văn B và ông Trần Duy T3. Vì vậy chia thừa kế cho 10 (mười) người.

Ông Trần Văn Tr chết vào năm 2006. Áp dụng Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 thì 05 (năm) người con của ông Tr là người thừa kế thế vị nên được hưởng phần di sản của ông (gồm: bà N, ông D, ông T3, ông D1 và bà H1).

- Giao ông Trần T được toàn quyền sở hữu nhà ở và được toàn quyền sử dụng thửa đất số số 119 (cũ 290), tờ bản đồ số 21 (cũ 8), diện tích 1064 m<sup>2</sup> (cũ 1170 m<sup>2</sup>) (200 m<sup>2</sup> đất ở, 864 m<sup>2</sup> đất vườn) và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích 143 m<sup>2</sup> tọa lạc tại: xóm T, thôn A, xã B, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định có giá

trị 230.904.000đ (Hai trăm ba mươi triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng); trong đó ½ nhà đất có giá trị 115.452.000đ là phần tài sản chung của ông T trong khối tài sản chung của vợ chồng được chia, ½ nhà đất là phần di sản của bà Trần Thị Th ông được hưởng vì được các thừa kế tặng cho, sau khi có nghĩa vụ phải thanh toán cho 05 người con ông Tr (đã chết) và bà C với tổng số tiền là 11.545.200đ (gồm: bà N 2.309.040đ, ông D 2.309.040đ, ông T3 2.309.040đ, ông D1 2.309.040đ, bà H1 2.309.040đ).

Công nhận sự thỏa thuận của ông S, bà Trọn, bà H, ông V, bà P, bà Đ, ông B, ông T3 đều thống nhất tự nguyện giao toàn bộ phần thừa kế của mình được nhận cho ông Trần T được sở hữu sử dụng, không yêu cầu thanh toán lại giá trị tài sản.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bên đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

- Về chi phí định giá: Nguyên đơn tự nguyện chịu không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp chia tài sản chung của vợ, chồng và chia di sản thừa kế thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định theo Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Văn Thị C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N, ông Trần Văn D, ông Trần Văn T3, ông Trần Văn D1 và bà Trần Thị Thúy H1 mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ quy định tại điểm 2 khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt là đúng quy định pháp luật.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Trần Thị Th chết ngày 05/12/2008, thời điểm mở thừa kế của bà Th là ngày 05/12/2008. Như vậy thời hiệu khởi kiện chia thừa kế của bà Thuận vẫn còn theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về những người thừa kế của bà Trần Thị Th: Ông Trần T và bà Trần Thị Th có 09 người con chung là Trần Văn Tr (chết năm 2006); Trần Văn S; Trần Thị T1; Trần Thị H; Trần Văn V; Trần Thị P; Trần Thị Đ; Trần Văn B; Trần Duy T3. Ngoài ra bà Th không có con nuôi, con riêng nào khác (các bên đương sự thừa nhận, Công an xã Bình Nghi xác nhận).

Căn cứ theo quy định tại Điều 613, khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự có cơ sở để xác định người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị Th gồm có: ông Trần T, ông Trần Văn Tr (chết năm 2006), ông Trần Văn S, bà Trần Thị

T1, bà Trần Thị H, ông Trần Văn V; bà Trần Thị P, bà Trần Thị Đ, ông Trần Văn B và ông Trần Duy T3 (10 người).

Vợ chồng Trần Văn Tr và bà Văn Thị C có các con chung: Trần Thị N, Trần Văn D, Trần Văn T3, Trần Văn D1 và Trần Thị Thúy H1; ông Trung đã chết năm 2006. Căn cứ Điều 652 Bộ luật dân sự có cơ sở để xác định người thừa kế thế vị của ông Trần Văn Tr gồm 05 người con là: Trần Thị N, Trần Văn D, Trần Văn T3, Trần Văn D1 và Trần Thị Thúy H1.

[5] Về di chúc của bà Thuận: Qua xác minh tại UBND xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định vào ngày 07/9/2022 thì từ trước đến nay bà Trần Thị Th chưa từng tới UBND xã Bình Nghi làm thủ tục lập di chúc, công chứng di chúc để định đoạt tài sản của bà.

Xét di chúc của bà Th: Tờ di chúc được lập vào năm 2001 nhưng không ghi ngày, tháng và nơi cư trú của người để lại di sản (bà Thuận); mỗi trang của tờ di chúc không có ghi số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc; UBND xã Bình Nghi cũng đã xác nhận từ trước đến nay bà Trần Thị Th chưa từng tới UBND xã Bình Nghi làm thủ tục lập di chúc, công chứng di chúc để định đoạt tài sản của bà. Vì vậy di chúc trên không phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 630 và 631 Bộ luật dân sự nên không có hiệu lực pháp luật.

[6] Về chia tài sản chung vợ chồng giữa ông Trần T và bà Trần Thị Th gồm: Thửa đất số 119 (cũ 290), tờ bản đồ số 21 (cũ 8), diện tích 1064 m<sup>2</sup> (cũ 1170 m<sup>2</sup>) (200 m<sup>2</sup> đất ở, 864 m<sup>2</sup> đất vườn) và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích 143 m<sup>2</sup> tọa lạc tại: xóm T, thôn A, xã B, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định hiện nay do ông Trần T quản lý (được công nhận theo Bản án số 08/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định).

Bà Trần Thị Th chết năm 2008. Căn cứ quy định tại Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình thì sản chung của vợ chồng được chia đôi. Như vậy ông T được chia (sở hữu) ½ tài sản trên, bà Th được chia ½ tài sản trên.

Tại phiên Tòa, các bên đương sự đều thống nhất diện tích đất, giá đất theo biên bản định giá ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn về giá đất ở, đất vườn hiện nay theo giá thị trường nên không yêu cầu định giá lại. Đất ở giá 675.000đ/m<sup>2</sup>; đất vườn giá 111.000đ/m<sup>2</sup>. Trên diện tích đất ở có các tài sản gồm: Nhà ở: Nhà ở xây dựng năm 2007, diện tích 30,3m<sup>2</sup> (nhà nền xi măng, tường gạch, mái tole); nhà ở xây dựng năm 1975 có diện tích 143m<sup>2</sup> (nhà nền xi măng, tường xây gạch, quét vôi, mái lợp ngói). Phần tu sửa (xây dựng năm 1996): nền xi măng diện tích 18,15m<sup>2</sup> (xây dựng năm 1996); nền xi măng diện tích 18,15m<sup>2</sup>; 01 tường xây gạch quét vôi, diện tích 11,55m<sup>2</sup>. Tất cả đều hết giá trị sử dụng nên không tính giá trị. Các tài sản này do ông Trần Trọng và Trần Duy Toàn quản lý.

Các bên đương sự đều thống nhất các tài sản trên (gồm nhà ở và phần tu sửa) đã hết giá trị khấu hao và thống nhất không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giá trị nhà và phần tu sửa trên đất. Giá trị tài sản chung của ông T và bà Th

gồm: đất ở 200m<sup>2</sup> (theo giá thị trường) có giá 675.000đ/m<sup>2</sup>; đất vườn 864m<sup>2</sup> có giá trị 111.000đ/m<sup>2</sup> (giá thị trường).

Như vậy tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng ông Trọng, bà Th là 230.904.000đ (200m<sup>2</sup> đất ở x 675.000đ/m<sup>2</sup> = 135.000.000đ; 864 m<sup>2</sup> đất vườn x 111.000đ/m<sup>2</sup>= 95.904.000đ). Phân chia bà Thuận và ông T mỗi người được sở hữu ½ có giá trị là: 230.904.000đ/2 = 115.452.000đ.

[7] Về di sản thừa kế của bà Trần Thị Th để lại chưa chia gồm: ½ thừa đất số 119 (200 m<sup>2</sup> đất ở, 864 m<sup>2</sup> đất vườn) và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích 143m<sup>2</sup> nói trên có giá trị 115.452.000đ.

[8] Phân chia di sản theo giá trị:

Phần di sản của bà Th để lại có giá trị 115.452.000đ (Một trăm mười lăm triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng). Bà Thuận chết không để lại di chúc nên áp dụng quy định tại các Điều 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự di sản thừa kế của bà Th được phân chia theo quy định pháp luật. Một kỷ phần thừa kế của bà Th có giá trị là: 11.545.200đ (115.452.000đ/10).

Ông Trần Văn Tr (đã chết), áp dụng Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 thì 05 (năm) người con của ông Tr gồm: bà N, ông D, ông Thắm, ông D1, bà H1 được hưởng phần di sản mà ông Tr được nhận (11.545.200đ).

[9] Phân chia di sản bằng tiền: Các đương sự đều thống nhất chia bằng giá trị (tiền). Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định quy định diện tích tối thiểu của một thửa đất ở sau khi tách thửa là 40m<sup>2</sup>, có chiều rộng hoặc chiều dài hơn 3m<sup>2</sup>; đối với một thửa đất nông nghiệp sau khi tách thửa là 300m<sup>2</sup> nên không thể chia bằng đất cho từng người, việc các đương sự đều thống nhất chia bằng giá trị (tiền) nghĩ nên thanh toán giá trị bằng tiền cho các hàng thừa kế là phù hợp với quy định pháp luật.

Ông S, bà T1, bà H, ông V, bà P, bà Đ, ông B, ông T3 tự nguyện giao toàn bộ phần thừa kế của mình được nhận cho ông Trần Tg được sở hữu, sử dụng không yêu cầu thanh toán lại giá trị tài sản. Vì vậy, HĐXX nghĩ nên giao phần của thừa kế của ông S, bà T1, bà H, ông V, bà P, bà Đ, ông B, ông T3 cho ông Trần T được hưởng là phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[10] Xét thấy nhà, đất là di sản của bà Th để lại hiện đang do ông Trần T quản lý. Hiện nay ông Trần T đang cư trú có đăng ký hộ khẩu tại xóm T, thôn A, xã B, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Vì vậy nghị nên giao ông Trần T được toàn quyền sở hữu nhà ở và được toàn quyền sử dụng thửa đất số số 119 (cũ 290), tờ bản đồ số 21 (cũ 8), diện tích 1064 m<sup>2</sup> (cũ 1170 m<sup>2</sup>) (200 m<sup>2</sup> đất ở, 864 m<sup>2</sup> đất vườn) và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích 143 m<sup>2</sup> tọa lạc tại: xóm T, thôn A, xã B, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định có giá trị 230.904.000đ (Hai trăm ba mươi triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng); trong đó ½ nhà đất có giá trị 115.452.000đ là

phần tài sản chung của ông T trong khối tài sản chung của vợ chồng được chia,  $\frac{1}{2}$  nhà đất là phần di sản của bà Trần Thị Th ông được hưởng vì được các thừa kế tặng cho, sau khi có nghĩa vụ phải thanh toán cho 05 người con ông Tr (đã chết) và bà Của với tổng số tiền là 11.545.200đ (gồm: bà Ngân 2.309.040đ, ông Dặm 2.309.040đ, ông Thắm 2.309.040đ, ông Dũng 2.309.040đ, bà H1 2.309.040) là có căn cứ phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

[11]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Ông Trần T tuy là người cao tuổi nhưng không có đơn yêu cầu miễn án phí theo quy định nên phải chịu 10.967.940đ (phần tài sản chung được chia và phần di sản được hưởng) án phí dân sự sơ thẩm (219.358.800đ x 5%), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0006677 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn. Nên ông T phải nộp số tiền là 10.667.940đ.

- Bà Văn Thị C phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Các ông bà gồm: Bà N, ông D, ông T3, ông D1, bà H1 (con của ông Trần Văn Tr) phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần di sản được hưởng với số tiền là: 577.260đ (11.545.200đ x 5%); theo đó: bà Ngân, ông D, ông T3, ông D1, bà H1 mỗi người phải chịu 115.452đ.

[12] Về chi phí định giá tài sản: Ông Trần T tự nguyện chịu số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng đã nộp xong nên miễn xét.

[13] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 147, 165, 227, 228, 273, 613, 651 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 468, 623, 630, 631, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần T về chia tài sản chung của vợ chồng và chia di sản thừa kế của bà Trần Thị Th là thửa đất số 119 (cũ 290), tờ bản đồ số 21 (cũ 8), diện tích 1.064 m (cũ 1170m<sup>2</sup>) (200m<sup>2</sup> đất ở, 864

m<sup>2</sup> đất vườn) và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích 143 m<sup>2</sup> tọa lạc tại: xóm T, thôn A, xã B, huyện Tây Sơn, tỉnh.

2. Giao ông Trần T được toàn quyền sở hữu nhà ở và được toàn quyền sử dụng thửa đất số 119 (cũ 290), tờ bản đồ số 21 (cũ 8), diện tích 1064 m<sup>2</sup> (cũ 1170 m<sup>2</sup>) (200 m<sup>2</sup> đất ở, 864 m<sup>2</sup> đất vườn) và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích 143 m<sup>2</sup> tọa lạc tại: xóm T, thôn A, xã B, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định có giá trị 230.904.000đ (Hai trăm ba mươi triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng); trong đó ½ nhà đất có giá trị 115.452.000đ là phần tài sản chung của ông T trong khối tài sản chung của vợ chồng được chia, ½ nhà đất là phần di sản của bà Trần Thị Th ông được hưởng vì được các thừa kế tặng cho.

Buộc ông Trần T có nghĩa vụ thôi lại cho các ông bà: Trần Thị N, Trần Văn D, Trần Văn T3, Trần Văn D1 và Trần Thị Thúy H1 với số tiền là 11.545.200đ (thừa kế thế vị của ông Trần Văn Tr).

3. Công nhận sự thỏa thuận của ông S, bà Tr, bà H, ông V, bà P, bà Đ, ông B, ông T3 đều thống nhất tự nguyện giao toàn bộ phần thừa kế của mình được nhận cho ông Trần T được sở hữu sử dụng, không yêu cầu thanh toán lại giá trị tài sản.

#### 4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần T phải chịu 10.967.940đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0006677 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn. Ông T phải nộp tiếp số tiền là 10.667.940đ (Mười triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi đồng).

- Bà Văn Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Các ông bà: Trần Thị N, Trần Văn D, Trần Văn T3, Trần Văn D1g và Trần Thị Thúy H1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 577.260đ (Năm trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng)- (bà N, ông D, ông T3, ông D1, bà H1 mỗi người phải chịu 115.452đ).

5. Về chi phí định giá tài sản: Ông Trần T tự nguyện chịu số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng đã nộp xong nên miễn xét.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

#### 7. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Triều**

